Ủy ban nhân dân
tỉnh Tây Ninh
30.05.2023
14:55:20 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1186 /QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 30 tháng 5 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kết quả kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2022

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 36/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chăn nuôi và thú y;

Căn cứ Thông tư số 18/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành khuyến nông, chuyên ngành quản lý bảo vệ rừng;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 05/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy biên chế, cán bộ, công

chức, viên chức, người lao động và người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Hội đồng thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2022 tại Báo cáo số 24A/BC-HĐTTH ngày 10/4/2023 về kết quả thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 363/TTr-SNV ngày 24/5/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với **15** viên chức.

(có danh sách cụ thể kèm theo)

Điều 2. Hội đồng thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm công bố công khai và thông báo kết quả thi tới đơn vị có người tham gia thi và cá nhân được biết.

Điều 3. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ban Quản lý Khu du lịch quốc gia Núi Bà Đen chịu trách nhiệm ban hành quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ thi thăng hạng. Thời gian bổ nhiệm và hưởng chế độ theo chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển được tính từ ngày 01/6/2023.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trưởng Ban Quản lý Khu du lịch quốc gia Núi Bà Đen, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các ông, bà có tên tại Điều 1 căn cứ quyết định thi hành, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- LĐVP, PNC;
- Lưu: VT, VPUBND tỉnh.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Võ Đức Trong

UBND TỈNH TÂY NINH

PHÊ DUYỆT DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN KỲ THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP CHUYÊN NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Kèm theo Quyết định số 1181/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Kết quả điểm phỏng vấn, sát hạch					Kết quả	Ghi chú
							Kiến thức chung (60 câu)	Kiến thức chuyên ngành (100 điểm)	Tin học (30 câu)	Ngoại ngữ (30 câu)	Điểm ưu tiên		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*
I	**Từ Kỹ thuật viên bảo vệ thực vật hạng IV (mã số: V.03.01.03) lên Bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III (mã số: V.03.01.02): 03 viên chức**												
1	Phạm Thanh Ân	26/8/1979	X		Kỹ thuật viên BVTV hạng IV	Trạm Trồng trọt và BVTV huyện Tân Châu thuộc Chi cục Trồng trọt và BVTV	54	82	30	30		Đạt	
2	Nguyễn Văn Minh	20/9/1981	X		Kỹ thuật viên BVTV hạng IV	Trạm Trồng trọt và BVTV huyện Dương Minh Châu thuộc Chi cục Trồng trọt và BVTV	56	85	30	30		Đạt	
3	Nguyễn Thu Trang	04/7/1979		X	Kỹ thuật viên BVTV hạng IV	Trạm Trồng trọt và BVTV thị xã Hòa Thành thuộc Chi cục Trồng trọt và BVTV	53	84	28	30		Đạt	
II	**Từ Kỹ thuật viên chẩn đoán bệnh động vật hạng IV (mã số: V.03.04.12) lên Chẩn đoán viên bệnh động vật hạng III (mã số: V.03.04.11): 05 viên chức**												
1	Nguyễn Văn Dũng	07/07/1964	X		Trưởng trạm	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Gò Dầu thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y	49	90	29	Miễn		Đạt	Còn dưới 05 năm đến tuổi nghỉ hưu
2	Nguyễn Thanh Hải	19/06/1963	X		Kỹ thuật viên chẩn đoán bệnh động vật hạng IV	Phòng Chăn nuôi và Thú y thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y	48	78,25	30	Miễn		Đạt	Còn dưới 05 năm đến tuổi nghỉ hưu
3	Nguyễn Văn Nguyên	22/08/1981	X		Kỹ thuật viên chẩn đoán bệnh động vật hạng IV	Trạm Chăn nuôi và Thú y thị xã Trảng Bàng thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y	49	94	30	30		Đạt	
4	Nguyễn Thị Bớt	06/06/1982		X	Kỹ thuật viên chẩn đoán bệnh động vật hạng IV	Phòng Hành chính, Tổng hợp, Thanh tra thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y	49	95	29	30		Đạt	
5	Liêu Nguyên Xuân	01/01/1986		X	Kỹ thuật viên chẩn đoán bệnh động vật hạng IV	Phòng Hành chính, Tổng hợp, Thanh tra thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y	48	98	30	30		Đạt	
III	**Từ Kỹ thuật viên quản lý bảo vệ rừng hạng IV (mã số: V.03.10.30) lên Quản lý bảo vệ rừng viên hạng III (mã số: V.03.10.29): 07 viên chức**												
1	Nguyễn Văn Kiều	12/4/1982	X		Kỹ thuật viên quản lý bảo vệ rừng hạng IV	Phòng Tổ chức, HC, TV thuộc BQL Khu rừng PH Dầu Tiếng	36	90	30	30		Đạt	
2	Hồ Hoàng Phút	03/01/1990	X		Kỹ thuật viên quản lý bảo vệ rừng hạng IV	Phòng Kế hoạch, Kỹ thuật thuộc BQL Khu rừng PH Dầu Tiếng	44	68	29	29		Đạt	
3	Nguyễn Viết Luận	20/6/1987	X		Kỹ thuật viên quản lý bảo vệ rừng hạng IV	Phòng Kế hoạch, Kỹ thuật thuộc BQL Khu rừng PH Dầu Tiếng	47	70	28	30		Đạt	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Kết quả điểm phỏng vấn, sát hạch					Kết quả	Ghi chú
							Kiến thức chung (60 câu)	Kiến thức chuyên ngành (100 điểm)	Tin học (30 câu)	Ngoại ngữ (30 câu)	Điểm ưu tiên		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*
4	Lê Văn Trung	01/02/1989	X		Kỹ thuật viên quản lý bảo vệ rừng hạng IV	Phòng Kế hoạch, Kỹ thuật thuộc BQL Khu rừng PH Dầu Tiếng	48	67	29	30		Đạt	
5	Giáp Huy Hùng	28/8/1982	X		Kỹ thuật viên quản lý bảo vệ rừng hạng IV	Phòng Kế hoạch, Kỹ thuật thuộc BQL Khu rừng PH Dầu Tiếng	48	73	30	30		Đạt	
6	Nguyễn Hồng Châu	28/9/1985	x		Kỹ thuật viên quản lý bảo vệ rừng	Phòng Quản lý bảo vệ rừng thuộc Ban Quản lý Khu du lịch quốc gia Núi Bà Đen	50	65	29	30		Đạt	
7	Trần Anh Kha	08/4/1981	x		Kỹ thuật viên quản lý bảo vệ rừng	Phòng Quản lý bảo vệ rừng thuộc Ban Quản lý Khu du lịch quốc gia Núi Bà Đen	51	72	30	30		Đạt	

Tổng cộng: 15 viên chức